

NGÀY XUÂN ĐỌC “ĐÀO HOA THI” CỦA NGUYỄN TRÃI

Trần Uyên Thi

*Tình như một bức phong còn kín
Gió nơi đâu, gượng mở xem
(Nguyễn Trãi)*

(Đã đăng trên Khởi Hành, số tháng 04/2011)

Năm nào cũng vậy, khi những giọt tuyết cuối cùng vừa tan, khi khí xuân còn chưa thành hình hẳn mà chỉ mới phảng phất trên những cành cây trước sân, khi trong đất nghe như có tiếng cựa mình của những cội cây đang ở độ sung mãn nhất, chỉ còn chờ đủ ngày là bung ra hàng loạt những nụ tươi non đầu đời, tôi lại giờ bài ĐÀO HOA THI của Nguyễn Trãi ra đọc. Tính đến nay là năm thứ mười. Chín lần kia, tôi đọc bài thơ như một *bản nhạc không lời*, làm như tôi sợ nếu tôi bắt đầu suy tư về phần *nghĩa* thì tôi sẽ đánh mất bài thơ vĩnh viễn như làm tuột khỏi tay cái tách trà mà tôi yêu quý nhất vậy. Với tôi, *Đào Hoa Thi* đã đủ đẹp ở phần nhạc tính của nó, cái phần nằm ở dưới ngôn từ và ở trong tâm thức của nhà thơ, cái phần làm cho bài thơ khỏi rơi vào sự miêu tả một cái gì cụ thể, hay kể lể tâm sự một điều gì, mà chỉ là những nét chấm phá mơ hồ, bay bổng, nhẹ tênh, gợi lên những cái ngoài tầm mắt, ngoài suy tư, ngoài ý niệm, mệnh mông và vô cùng.

Nhưng năm nay, cưỡng không nổi sự tò mò về một số từ cổ mà ngay chính các học giả cũng còn chưa thống nhất cách đọc và hiểu, tôi bắt đầu giờ trên kệ xuống những cuốn sách đã bị bỏ quên từ mấy năm nay. Thật ra, sách viết về *Quốc Âm Thi Tập (QATT)* của Nguyễn Trãi không có là bao nhiêu. Bản Nôm thì tôi có bản Phúc Khê (mùa thu năm Tự Đức Mậu Thìn 1868¹) do Giáo sư Lê Văn Đặng gửi cho, đem so với bản in trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập Tân Biên* (do Mai Quốc Liên chủ biên, NXB Văn Học, 2001, gọi tắt là bản MQL) thì không thấy có chữ nào khác. Bản này Giáo sư Đặng *scan* lại từ một quyển sách tiếng Pháp ở thư viện Suzzallo (University of Washington, WA), nhưng tiếc là vì đã quá lâu, Giáo sư chưa nhớ ra tên sách. Về phần phiên âm thì có bản Đào Duy Anh, Nguyễn Đình Hòa & Lê Văn Đặng, Mai Quốc Liên. Bản MQL có khảo dị phần phiên âm của Trần Văn Giáp, Vũ Văn Kính. Còn thì tôi phải lục lọi trong những tác phẩm cổ và tự/từ điển cổ. Nhưng, sau khi đã đối chiếu các bản phiên âm khác nhau và tìm tòi suy nghĩ thêm mất mấy ngày, tôi vẫn không thấy ra được điều gì mới ngoài những điều đã biết trước đây...

¹ Đây là chỗ đáng thương của nền văn học cổ Việt Nam. Nhiều tác phẩm được viết từ TK XIII, XV mà hiện nay giới nghiên cứu chỉ có trong tay bản chép tay hay bản khắc gỗ của TK XVII, XVIII, vì bản chính đã bị lửa chiến tranh thiêu đốt, hoặc bị thất lạc, hoặc bị tiêu hủy. Riêng với QATT, những gì Nguyễn Trãi viết ra đã tuyệt tích. Hai mươi lăm năm sau ngày ông bị tru di tam tộc, vua Lê Thánh Tông mới minh oan cho ông và sai Trần Khắc Kiem sưu tầm di cảo thơ văn của ông, in vào bộ *Ức Trai Thi Tập* vào năm 1480 (công việc sưu tập này mất mười năm). Nhưng sách đó sau cũng bị thất lạc nốt, chỉ còn lại một ít thơ văn rải rác trong các bộ sách khác, như *Toàn Việt Thi Lục* của Lê Quý Đôn và *Hoàng Việt Thi Văn Tuyển* của Bùi Huy Bích. Mãi đến đời nhà Nguyễn, tức là hơn 400 năm sau, Dương Bá Cung, người cùng làng với Nguyễn Trãi, mới đi từ Bắc vào Nam thu thập, dò hỏi, biên chép và cho in thành bản Phúc Khê 1868. Đây là bản mà hiện nay chúng ta có được.

...Cho đến khi tôi có được bản phiên âm và chú giải của Giáo sư Lê Hữu Mục, một món quà bất ngờ mà Giáo sư Trần Ngọc Ninh đã ưu ái gửi cho tôi khi biết tôi đang đọc lại *Đào Hoa Thi*.

Tôi hồi hộp mở cái nơ màu *gold* mà Gs Ninh đã thắt vào bản phiên âm của Gs Mục, một cử chỉ biểu lộ lòng trân trọng của Cụ đối với tác phẩm của Nguyễn Trãi. Đó là một bản thảo viết tay đã lâu, giấy đã ngả vàng, chữ viết ngay hàng thẳng lối, đậm nét và rõ ràng. Tôi được biết Gs Mục đã bỏ ra hơn ba mươi năm ròng đọc *QÁTT* và đã phiên âm, chú giải toàn bộ tác phẩm này, với khoảng 400 trang viết tay, nhưng bản thảo đó chưa hề được in thành sách.

Tôi đọc một hơi những những trang giấy có bút tích của Gs Mục, và cảm giác khi đọc xong là một nỗi hân hoan vui sướng vừa được qua một cuộc phiêu lưu chữ nghĩa kì thú và thi vị. Dưới đây, tôi xin được khảo dị những bản phiên âm khác nhau, đặc biệt là bản LHM, mà mặc dầu tác giả hết sức mong mỏi, đến nay vẫn chưa được trình làng, trước là để quý độc giả thưởng lãm một bài thơ hay của một tâm hồn lớn như Nguyễn Trãi, sau là để giới thiệu với học giới bản phiên âm của một nhà Nôm học có uy tín về các tác phẩm của Úc Trai, trong khi chờ đợi toàn bộ công trình của ông có đủ duyên để ra đời.

Đào Hoa Thi gồm sáu đoạn, làm theo lối “thủ vĩ liên hoàn”, nghĩa là lấy mấy chữ cuối của đoạn trên đem lặp lại ở đoạn dưới. Sáu đoạn đều viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt, nhưng đều sử dụng những vần chính khác nhau. Đoạn đầu dùng vần trắc, bốn đoạn giữa dùng vần bằng, và lại kết thúc với vần trắc ở đoạn cuối, như một bản nhạc *rondo*. Toàn bài thơ như một điệu luân vũ — mỗi điệu vũ là sự tiếp nối của điệu vũ trước. Trong *QÁTT*, sáu đoạn này được đánh số bài từ 227 đến 232.

ĐÀO HOA THI

227. Một đóa đào hoa khéo tốt tươi
Cách xuân mơn mớn thấy xuân cười
Đông phong ắt có tình hay nữa
Kiến tiện mùi hương dễ động người

228. Động người, hoa khéo tỏ tình thân
Ít bởi vì hoa, ít bởi xuân
Di sứ chim xanh đành choạc lối
Bù chi đã có khí hồng quân

229. Khí hồng quân hỡi, xá chời qua
Chớ phu xuân này, chớ phu hoa
Hoa có ý thì xuân có ý
Đâu đâu cũng một khí dương hòa

230. Khí dương hòa há có tây ai
Nùng một hoa này nhẵn mọi loài
Toan kể chín còn ba tháng nữa

Cập xuân mưa để má đào phai

231. Má đào phai hết bởi xuân qua
Nếu lại đơm thì *liền* luống hoa
Yến thừa Dao Trì đà có hẹn
Chớ cho Phương Sóc đến lân la

232. Phương Sóc lân la đã hờ cơ
Ba phen trộm được, há tình cờ
Có ai ước hỏi Tây Vương Mẫu
Tin khá tin thì ngờ khá ngờ

Xin được thưa ngay rằng bản phiên âm trên đây là dựa vào bản LHM, trừ những từ gạch dưới và in nghiêng, là những từ mà tôi xin được mạn phép đọc khác, mặc dầu chỉ là một kẻ hậu học và luôn coi Gs Mục là một bậc thầy trong Nôm học. Vả lại, nói cho cùng, những chỗ đọc khác này cũng không có gì gọi là “to tát” cho lắm, mà chỉ là ý kiến cá nhân. Bản LHM đọc như sau:

Bài 227, câu 2: Cách xuân mơn mớn *thể* xuân cười (LHM)

Bài 228, câu 1: Động người, hoa khéo *hởn* tinh thần (LHM)

Bài 228, câu 2: *Ất* bởi vì hoa, *ất* bởi xuân (LHM)

Bài 229, câu 2. Chớ *phũ* xuân này, chớ *phũ* hoa (LHM)

Bài 231, câu 2. Nếu lại đơm thì, *lên* luống hoa (LHM)

Và còn đôi ba chỗ cách đọc tuy giống nhưng cách hiểu hơi khác. Chi tiết xin được trình bày rõ dưới đây.

Khảo dị và chú giải

Các chữ viết tắt: ĐDA: bản Đào Duy Anh (1976); LHM: bản Lê Hữu Mục; MQL: bản Mai Quốc Liên; TVG: bản Trần Văn Giáp và Phạm Trọng Điềm (1956); NĐH-LVĐ: bản Nguyễn Đình Hòa-Lê Văn Đặng; VVK: bản Vũ Văn Kính; TC: Thiệu Chử (Hán Việt Tự Điển); ALD: (từ điển) Alexandre de Rhodes; HTC: (tự vị) Huỳnh Tịnh Của.

227. Một đóa đào hoa khéo tốt tươi <i>Cách xuân</i> mơn mớn <i>thấy xuân</i> cười Đông phong ất có tình hay nữa <i>Kiến tiện</i> mùi hương dễ động người
幾朵桃花容平鮮 隔春嗽嗽体春啜 東風乙固情哈女 建羨味香易動得

Phiên âm khác:

Câu 2. *Tường xuân*... (ĐDA); ...*thể* xuân cười (LHM)

Câu 4. *Kiến tiên*... (ĐDA); *Kín tạn*... (MQL); *Kín tiên*... (NĐH-LVĐ)

Chú giải:

Cách xuân : trải qua một mùa xuân (khứ niên), trọn một mùa xuân (HTC). Thôi Hiệu-Nguyễn Du: “Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.”

Thấy xuân cười: LHM đọc là ...*thể xuân cười* và chú như sau: “*Vì mùa xuân mà cười, vì theo ý mùa xuân mà tỏ niềm vui mừng bằng cách nở hết màu ra, trưng bày tất cả màu sắc.*” Tôi (TUT) nghĩ rằng đọc là *thấy* (verb) thì mới đối xứng với verb *cách* (xuân) ở trước. Ý cả câu: Hoa đào (khéo tốt tươi), xuân năm ngoái (cách xuân) môn môn, xuân năm nay (thấy xuân) cười.

Tình hay: dịch từ *hào ý* (ý đẹp).

Kiến tiên: tôi đọc theo LHM. Ông giảng như sau: “*Kiến tức là cần, để dành phần (HTC). Tiên: dâng lên, lan ra theo hình xoáy tròn ốc, thường nói về dáng hương dáng khói nhẹ nhàng bay lượn trên không. Làng Nhị Khê của Nguyễn Trãi sống bằng nghề thợ tiện, hẳn ông đã có nhiều kinh nghiệm để quan sát những làn khói bay vòng vòng trên không như được một bàn tay vô hình nào tiện vậy. Cả câu: Gió đông có nhã ý dành mùi hương để cho mùi hương bay lượn lên từng đợt như thế, thật dễ làm xao xuyến lòng người*” (hết trích LHM).

Trước đây, tôi đọc là *kín tận* như MQL, nghĩa là đưa hương một cách kín đáo, đến gần sát. *Tận* có nghĩa là đến sát (mặt) [HTC]. Trong *Chi Nam Ngọc Âm* (quyển từ điển Hán-Nôm đầu tiên của Việt Nam, có lẽ cũng cổ như *Quốc Âm Thi Tập*) có câu “Phong Thanh gió mát *tận* lâu.” Nhưng sau khi đọc chú giải của LHM, tôi hoàn toàn bị thuyết phục bởi cách giải thích từ *tiện* của ông. Tuy nhiên, lời chú giải có một chỗ chưa rõ ràng: Gs nói “*kiến tức là cần...*”, ý của ông hẳn phải là “*kiến đọc là cần*”, và *cần* thì có nghĩa là “*để dành phần*”, theo HTC. Như vậy, ông phải đọc là *cần tiện*. Còn nếu đọc là *kiến tiện*, thì *kiến* chỉ có nghĩa là “*dựng lên*”, như “*kiến quốc*” là “*dựng nước*.” Ở đây, tôi thấy cũng có thể hiểu *kiến* là đưa lên, dâng lên (đưa mùi hương nhẹ nhàng quện lên không). Chủ từ ở đây là gió đông chứ không phải là mùi hương.

Ý cả bài: *Một đóa đào hoa thật xinh xắn, đẹp đẽ; Năm trước môn môn, năm nay lại khoe sắc; Gió đông hẳn phải có ý đẹp hơn nữa, chậm rãi đưa mùi hương của hoa nhẹ nhẹ quện lên không, dễ làm xao xuyến lòng người.*

<p>228. Động người, hoa khéo tỏ tinh thần <i>Ít bởi vì hoa, ít bởi xuân</i> <i>Dĩ sứ chim xanh đành choạc lối</i> <i>Bù chi đã có khí hồng quân</i></p>	<p>動得花容煇精神 少櫻為花少櫻春 吧使鷓撐停祝磊 逋持匏固氣洪鈞</p>
---	---

Phiên âm khác:

- Câu 1. ...khéo *hơn* tinh thần (LHM)
- Câu 2. *Ất* bởi vì hoa, *ất* bởi xuân (LHM)
- Câu 3. *Dè sứ*... (TVG)
- ...*đừng chuốc lối* (TVG, MQL, NĐH-LVĐ)
- ...*đừng chuốc lối* (VVK)

Chú giải:

Tỏ tinh thần: tỏ cái thần của hoa. LHM đọc là *hơn tinh thần*, khác với nhiều người khác, vì cho rằng đây là chữ *hoả* + *cần*, theo nghĩa là “*vui mừng, hí hớn*.” Nhưng xem lại bản Nôm Phúc Khê, tôi thấy rõ ràng đây là chữ *tỏ* 焯, gồm hai chữ *hoả* + *tổ*. Không biết Gs Mục có bản Nôm khác chăng?

Ít bởi vì hoa, ít bởi xuân: cách nói cổ, nghĩa là một phần là vì hoa, một phần là vì xuân. LHM đọc là *ít*, mặc dầu chữ này viết là *thiếu* + *ít*, và chú giải như sau: “...nhấn mạnh vào tính khẳng định không có từ nào hiệu lực bằng từ *ít*, nhất là khi nó được nhắc đi nhắc lại. Cụ Đào đã phiên là *ít* vì cụ chịu ảnh hưởng của bản nôm đã viết chữ *ít* là 𠄎, tức *ít*. Thực ra, vào thời ADR, chưa có từ *ít* như bây giờ. Các từ có vần *ít*, âm đều được viết với *i* ngắn như: nhít (một), nhít (mặt trời), nhít bốn, nhìn (người), nhìn đức, nhìn nghĩa. Bởi vậy, *ít* hay *ít* đều được viết là *ít* (x. ADR). Do đó, khi người sao lục viết nôm là *ít* + *thiếu*, có thể ông chỉ muốn cho biết chữ này có âm là *ít*, chứ không phải có nghĩa là *ít*, và do đó, dù ta có đọc là *ít* đi chăng nữa, ta vẫn phải hiểu là *ít* đúng như ADR đã ghi. *Ít / ctiam (phải là thế, nhất định thế).*” (hết trích LHM).

Chỗ này, tôi cũng có sự lưỡng lự và ngần ngại, nhưng tôi thấy mặc dầu Gs LHM có lí nhiều phần, tôi phải đặt câu hỏi rằng nếu ngày xưa muốn ghi *ít* theo nghĩa là “ít” (un peu), chứ không chỉ theo âm, thì phải viết như thế nào? Tôi thấy ở bài 227, câu 3, *Đông phong ắt có tình hay nữa*, chữ *ít* viết là *ít* không thôi, đến bài này thì thêm chữ *thiếu* vào nữa để nhấn mạnh rằng đây là *ít* theo nghĩa *ít* chứ không phải là *ít* theo nghĩa *ít*. Hơn nữa, theo mạch nghĩa từ câu trên, hiểu là “ít” (un peu) không phải là không hợp lí.

Đi (ADR, HTC): bảo nhỏ, nói nhỏ vào tai.

Sứ chim xanh: sứ giả của Tây Vương Mẫu. Tây Vương Mẫu là một nữ thần cao quý, được coi gần như Thiên Hậu trong huyền thoại Trung Hoa, ngự ở cung Dao Trì (ao ngọc). Tại Dao Trì có một vườn đào quý, ba ngàn năm mới có trái một lần (thường được gọi là quả bàn đào), ăn vào thì được trường sinh bất tử (theo *Hán Vũ Cổ Sự*). Nguyễn Du: “Về chi một đóa yêu đào / Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.”

Đành choạc lối: là đọc theo LHM. Các bản phần lớn đọc là *đừng chuốc lối*, và hiểu theo nghĩa là “đừng tìm lối.” Vấn đề là không thấy ở đâu nói *chuốc* có nghĩa là “tìm.” *Chuốc* chỉ có nghĩa là chịu lấy, gánh lấy, hoặc là *chuốc rượu* cho ai. LHM: “Đành: *bất đắc dĩ phải chấp nhận một sự thực hiện nhiên*. Choạc lối: *không đặng việc gì (HTC)*. Cả câu: *xin nói rõ với sứ giả chim xanh là bất đắc dĩ phải chấp nhận là mình không được việc đi*” (hết trích LHM).

Bù chì: theo LHM, khi viết theo tiếng Hán Việt thì đọc là *trì*, khi viết theo tiếng Nôm thì đọc là *chì*. *Bù chì* là chở che, giúp đỡ, nuôi nấng.

Khí hồng quân: khí trời. *Hồng quân* là cái bàn xoay của tạo hóa để sáng tạo ra mọi loài (*quân* là cái bàn xoay để thợ nặn bắt đồ sành.)

Ý cả bài: *Làm sao xuyên lòng người, hoa khéo tỏ hết cái thần của mình ra; Một phần là bởi hoa, một phần là bởi xuân; Xin nói nhỏ với sứ giả chim xanh của Tây Vương Mẫu là hãy đành lui bước đi; Chuyện chở che, săn sóc vạn vật đã có khí trời lo liệu cho.*

<p>229. Khí hồng quân hỡi, xá chời qua Chớ phụ xuân này, chớ phụ hoa Hoa có ý thì xuân có ý Đâu đâu cũng một khí dương hòa</p>	<p>氣洪鈞矣舍才戈 渚負春尼渚負花 花固意却春固意 兜兜共俊氣陽和</p>
--	---

Phiên âm khác:

Câu 1. Khí hồng quân *hãy* *xá tài* qua (MQL, ĐDA, NĐH-LVĐ)

Câu 2. Chớ *phũ* xuân này chớ *phũ* hoa (LHM)

Chú giải:

Xá chời qua: là phát hiện độc đáo của LHM. Hơn nữa, LHM đã ngắt câu ở chữ thứ tư, và đọc *hời* thay vì *hãy*. Các bản khác, như bản MQL, ngắt câu ở chữ thứ ba, rồi đọc là *hãy xá tài qua*, và MQL chú rằng “Hãy nên chằm chước bỏ qua cho. Nguyên văn viết *tài* 才 “vốn thông với chữ tài 裁, có nghĩa chằm chước, bỏ qua” (hết trích MQL). Tôi (TUT) thấy trong bản Nôm, bên cạnh chữ 才 có viết thêm chữ 裁, mà tôi nghĩ là do người đọc sau không hiểu nghĩa nên đoán đại và thêm vào. Có tác giả hiểu 裁 theo nghĩa là *tài bồi* (chăm bón cho cây hoa), nhưng LHM chỉ ra rằng chữ 裁 đầu tiên đọc là *tai* (không có dấu huyền), sau đó đi với chữ *bồi* thì mới đổi thành dấu huyền (*tài*) theo luật thanh âm. Song, vấn đề chính là ở chỗ *tài* (đơn) khác với *tài-bồi* (kép), như *quốc* khác với *quốc-kì*.

Theo LHM, câu này có nghĩa là “*Xin khẩn nài khí hồng quân, xin ngài hãy đến cho dồi dào, xin ngài hãy đổ xuống dư dật từ trời cao. Xá: hãy, nên, phải. Chời: nhiều, dư dật, dồi dào, như nói chời (trời) lỗ: prodigus. Génibrel có ghi được một tỉ dụ rất có giá trị: “Kia rít ấy chời không cân nhau”, nghĩa là: avarice et prodigalité ne vont pas ensemble (hà tiện và lãng phí không đi đôi với nhau). Chời thường được hiểu theo nghĩa Hán văn là phong phú, phong thịnh, toàn bộ, tận lực”* (hết trích LHM).

Câu 2, bản LHM đọc là Chớ *phũ* xuân này chớ *phũ* hoa, và chú rằng “*Xin đừng tỏ ra tàn nhẫn đối với xuân, xin đừng đối xử phũ phàng, thô tục đối với hoa. Ta có cảm tưởng như được nghe tiếng thất thanh của ND: Phũ phàng chỉ bấy hoá công! (TK, 85). ĐDA/ Chớ phụ xuân này chớ phụ hoa. Câu thơ phiên đúng mặt chữ, nhưng nếu như vậy, người đọc có quyền hỏi: “ta chỉ nói con người phụ ông trời, con cái phụ lòng cha mẹ, chứ có ai nói ông trời phụ con người, cha mẹ phụ lòng con cái?”* (hết trích LHM). Theo thiển ý của tôi, đọc là *phụ* thì hợp theo mạch nghĩa của câu trước hơn.

Khí dương hòa: khí ấm áp an hòa (chỉ khí xuân). Nguyễn Du: “Khúc đầu đàm ấm dương hòa...”

Ý cả bài: *Xin khẩn nài khí hồng quân, xin hãy đến cho dồi dào; Đừng phụ lòng chúa xuân, đừng phụ lòng hoa; Hoa có tình, và xuân cũng có tình* (Ghi chú: thì ở đây không phải là giới từ chỉ nhân quả, mà là một đoạn từ ngắt câu thành hai đề); *Khí ấm áp an hòa tràn ngập khắp muôn nơi.*

230. Khí dương hòa <i>há</i> có <i>tây</i> ai Nừng một hoa này <i>nhẫn</i> mọi loài Toan kể <i>chỉn</i> còn ba tháng nữa Cặp xuân <i>mựa</i> để má đào phai	氣陽和可固私埃 能殘花尼忍每類 筭計多群匹腦女 及春馬底騰桃派
---	--

Phiên âm khác:

Câu 2. *Nặng* một hoa này... (ĐDA, MQL, NĐH-LVĐ)

Câu 4. *Kịp xuân...* (NĐH-LVĐ)
Gặp xuân... (MQL)

Chú giải:

Há có tây ai: nào có thiên vị ai đâu? Tây là tư vị, riêng tây

Nùng: một phát hiện độc đáo nữa của LHM. Xin dẫn lời của chính ông: “Nùng, nôm viết bằng chữ nãng, là một phát hiện của tôi sau ba mươi năm đọc Nguyễn Trãi. Đầu tiên, tôi cũng đọc là nãng như các cụ Trần và cụ Đào, nhưng từ nãng sao lại cứ hay đi trước một từ có tính chỉ giới hạn như *mỗ* (QA, 5), một (QA, 230). Tôi chuyển câu thơ ra chữ Hán, và tôi thấy chữ nùng một có thể dịch ra Hán văn bằng những từ như *đơn, chỉ, cần, duy chỉ, v.v...* Tôi tra chữ *cận* 僅 và tôi tìm thấy trong TC chữ nùng mà có lẽ không ai hiểu là gì, và tôi cũng chỉ hiểu rõ nghĩa khi lấp từ nùng vào câu thơ:

Nùng một hoa này *nhấn* mọi loài (QA, 230)

Nùng mỗ san-tắng làm bạn ngâm (QA, 5)

Nùng một ông này *dep* thú này (QA, 11)

Các từ điển ghi từ *cận* như sau: VT/*cận*: chỉ có; TD/*cận*: tí nữa không (à peine), một tí (un peu); KH/*cận*: ít; TC/*cận*: nùng. Như vậy, nùng nghĩa là ‘chỉ có’, tức là ngoài cái ấy ra thì không còn có gì gọi là nó nữa, nhấn mạnh vào tính cách hi hữu, giới hạn tuyệt đối. Nùng trong tiếng Thái có nghĩa là ‘một, chỉ có một’. Do vậy, từ nùng này có thể do ở chữ Thái mà ra, và giữ nguyên ý nghĩa ấy khi chuyển sang tiếng Việt. Cũng vì lẽ đó mà từ nùng bao giờ cũng đi song đôi với những từ đồng nghĩa với nó như *một* (chỉ có một, không có hai), *mỗ* (một, từ gốc Cao miên)” (hết trích LHM).

Như vậy, *nùng* là *seulement* (Pháp), *only* (Anh).

Nhấn: đến (từ...đến, như từ *cổ nhấn kim*). Ý cả hai câu: Khí dương hòa nào có thiên vị ai đâu, từ hoa này cho đến tất cả mọi loài, tất cả đều được hưởng cái phúc lộc của trời đất. Cụ ĐDA (& MQL) hiểu là “chỉ hoa đào là hơn mọi loài hoa khác vì nó nở vào đầu xuân”, theo tôi, là mâu thuẫn với câu trên (có tây vị ai đâu.)

Toan: suy xét, bàn luận, suy tính; Kế: đếm; Chín: chỉ. Toan kế chín còn: Tính ra chỉ còn (ba tháng nữa là hết mùa xuân.) Ta còn nói “toan tính.”

Cập xuân: mãn xuân, hết mùa xuân, như “cập đệ” là thi đỗ. Có bản phiên âm là *gặp*, có bản phiên là *kịp*, với nghĩa là “hãy mau lên cho kịp xuân, đừng để má đào phai.” Nhưng hiểu như thế không hợp với ý câu trước.

Mưa: chớ, đừng.

Ý cả bài: Khí dương hòa nào có tây vị ai đâu; Từ hoa này cho đến hết thấy mọi loài, tất cả đều được hưởng phúc lộc dồi dào của trời đất; Tính ra chỉ còn có ba tháng nữa là hết mùa xuân, xin đừng để má đào phai.

<p>231. Má đào phai hết bởi xuân qua <i>Nếu lại đơm thì liền luống hoa</i> <i>Yến thừa Dao Trì đã có hẹn</i> Chớ cho <i>Phương Sóc</i> đến lân la</p>	<p>鵬桃派歇櫻春戈 裊吏宥耜連隴花 宴所瑤池它固限 渚朱方朔旦鄰羅</p>
---	---

Phiên âm khác:

Câu 2. *Nẻo lại đơm thì liền luống hoa* (MQL)

Nẻo lại đơm... (TVG)

Nếu lại đơm... (VVK)

Nếu lại đơm... (ĐDA)

...lên luống hoa (LHM)

Chú giải:

Nẻo lại đơm/đơm thì liền luống hoa. Câu này có nhiều cách hiểu khác nhau. Bản ĐDA và MQL đều hiểu chữ *luống* nghĩa là “muộn”, như “luống tuổi”, ý cả câu: “Xuân đã qua mà lại đơm hoa thì là hoa muộn không đẹp nữa.” Lại có bản hiểu là “xuân đã qua rồi mới ‘đơm mê’ thì muộn mất rồi.” Theo tôi, nếu người viết muốn dùng chữ *đơm* theo nghĩa là “đam mê” thì đã dùng hán chữ 耽 chứ không ghi chữ 先. Đây là một tác phẩm cổ.

Tôi xin đề nghị một cách hiểu khác: Rút cục rồi xuân cũng qua và má đào cũng phải phai (âu cũng là cái lẽ của tạo hoá, nhưng đừng có vì thế mà buồn), nếu khi cây lại đơm hoa vào mùa xuân năm sau, thì lập tức cả rừng hoa đào sẽ bung ra một lượt, cái này nối tiếp cái kia, thành một *luống* (như luống mía, luống khoai).

Nhưng bản LHM có một cách hiểu hơi khác một tí: *Nếu lại đơm thì, lên luống hoa.* “Một khi có điều kiện để thêm (đơm), tức để kéo dài tuổi trẻ (thì), hãy coi, hãy chuyển dời luống hoa đến chỗ cao hơn. Luống là mô đất dài và cao để trồng cây cho khỏi úng nước. Nói bóng là dù mùa xuân có qua đi thì cũng có cách cho con người không già, do đó mà tác giả nói về chuyện bà Tây Vương Mẫu ở câu sau [...] Thì như trong ngữ “dây thì” (hết trích LHM).

Yến thừa Dao Trì: yến tiệc ở Dao Trì của Tây Vương Mẫu (đã được định trước). Có bản đọc là *yến sở* (nghĩa như nhau). Đọc *thừa* là đọc theo kiểu cổ.

Phương Sóc: Theo *Hán Vũ Cổ Sự*, Đông Phương Sóc ba lần đến Dao Trì trộm đào tiên về cho Hán Vũ đế, khiến Tây Vương Mẫu giận, đày xuống cõi trần.

Ý cả bài: *Xuân qua rồi, má đào phai hết; Nhưng khi cây lại đơm hoa nữa thì hoa sẽ nở bung một lượt khắp đất trời thành từng luống; Yến tiệc ở Dao Trì của Tây Vương Mẫu đã định ngày rồi (khi hoa kết trái); (Nhưng) chớ để cho Đông Phương Sóc đến giả vờ làm bạn rồi giờ trò ăn cắp đào tiên.*

<p>232. Phương Sóc lân la đã hờ cơ Ba phen trộm được há tình cò Có ai ước hỏi Tây Vương mẫu <i>Tin khá tin thì ngờ khá ngờ</i></p>	<p>方朔鄰羅匏許機 吧番濫特呵情期 固埃厭晦仙王母 信可信耜疑可疑</p>
--	---

Hở cơ: vô ý, không giữ kỹ, lộ mưu kế.

Há: nào phải

Tin khá tin thì ngờ khá ngờ: Ngữ pháp cổ. Nói theo ngữ pháp hiện đại là “Tin thì có thể tin, mà ngờ vẫn có chỗ ngờ.” *Thì* ở đây gần như là *mà*.

Ý cả bài: *Đào tiên không được canh giữ cho kỹ, để Phương Sóc vào lấy mắt; Ba lần đến, ba lần được, há phải chuyện tình cờ; Nếu có ai đến Dao Trì hỏi thử Tây Vương Mẫu; Chuyện này tin thì có thể tin, nhưng ngờ vẫn có chỗ đáng ngờ.*



Sau khi đã mô xè phân tích bài thơ, điều mà tôi đã ngần ngại không muốn làm từ mười năm nay, tôi đọc lại bài thơ một lượt từ đầu đến cuối, như những ngày xưa. Tôi vui mừng thấy rằng núi vẫn là núi, sông vẫn là sông, *Đào Hoa Thi* vẫn là một *bản nhạc không lời*, đẹp trình nguyên và vĩnh cửu như những hứa hẹn từ thuở ban đầu.

Song, tôi vẫn thấy có điều gì vương vấn trong lòng, chưa thể dừng lại ở đó.

Đành rằng thơ Nguyễn Trãi có nhiều bài nhẹ như tơ, bởi vì, nói cho cùng, không có gì Nguyễn Trãi mong muốn được làm trong một kiếp hiem hoi mang thân người hơn là “Am trúc hiem mai ngày tháng qua” (bài 4), “Đem công danh đổi lấy cần câu” (bài 30), “xây nhà trên núi, gói đầu lên tảng đá mà ngủ”, hoặc quảy nước về pha chè (trong nước có bóng trăng), rồi khoan khoái nằm khểnh trong căn phòng đọc sách phủ rợp bóng mây, đi vào giấc mộng mơ màng chỉ với một ý nghĩ duy nhất còn bám lấy tâm trí nửa say nửa tỉnh là chưa ai quét lá thông ngoài cửa (bài 51), nhưng có lẽ nào một tâm hồn lớn như Nguyễn Trãi, một viên ngọc Lam Điền của tinh hoa văn hoá và tư tưởng Việt Nam, một vĩ nhân hiếm có mà suốt mấy ngàn năm lịch sử của dân Việt chỉ có hai ba người có thể sánh nổi, với “tài kinh bang tế thế làm rạng rỡ cho đất nước xưa nay chưa ai sánh được” (“kinh bang hoa quốc cổ vô tiền”, Nguyễn Mộng Tuân), với khí tiết “sạch như giá tuyết dựng trong bình ngọc” (“Mạn Hứng”), với những tư tưởng cao quý (“việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”), và hoài bão lớn lao (duy tân khắp chốn [BNĐC], “muốn đem nước hoa lan chia khắp bốn biển, từ nay gột rửa cho hết thảy những người còn bị ghét bần [“Đoan Ngộ”]...), người đã viết lên áng hùng văn thiên cổ *Bình Ngô Đại Cáo* (BNĐC) mà văn chương và tư tưởng sẽ còn lưu truyền đến muôn đời, người đã viết lên những bài thơ Quốc Âm mà mỗi lời mỗi tiếng là hạt minh châu của ngôn ngữ và tình tự dân tộc..., có lẽ nào một con người như thế mà viết một bài thơ dài như *Đào Hoa Thi*, với những ẩn dụ về tiệc bàn đào của Tây Vương Mẫu, về sứ chim xanh, về Đông Phương Sóc lân la trộm đào, và “hở cơ”... chỉ để vịnh hoa giải sầu? Có chăng một tâm sự ẩn giấu? Tôi nghe văng vẳng bên tai những lời thơ tha thiết của ông:

Tình như một bức phong còn kín

Gió nơi đâu, gượng mở xem

(“Ba Tiêu”)

Ta có thể giữ được tâm bình thản để đi vào thế giới thơ của ông mà mở cái khối tình “còn kín” trong đó chăng?

Sau mười năm nếm mật nằm gai với Lê Lợi, một mặt dùng quân sự, một mặt dùng văn chương trác tuyệt — một thứ văn chương chỉ có thể nở ra từ một tấm lòng thấu hiểu được đạo Nhân Nghĩa — để đánh thức lòng người, cuối cùng ông cùng với Lê Lợi và nghĩa quân đã quét sạch bóng quân xâm lược ra khỏi bờ cõi, cấp thuyền cấp ngựa cho chúng về nước. Rồi khi tiếng sáo thanh bình và khúc ca khải hoàn trỗi lên trên khắp mọi miền của đất nước, ông lại cùng Lê Lợi đại cáo DUY TÂN cho toàn dân, được ghi rõ trong mấy câu cuối cùng của BNĐC (“Bốn phương phẳng lặng thanh bình / Tuyên bố thời đại **duy tân** khắp chốn²”), để cho nước Việt “Muôn thuở nền thái bình vững chắc / Nghìn thu vết nhục nhã sạch lâu.” Song, thật là chua chát, ông sớm nhận ra mộng bao giờ cũng đẹp mà lòng người thì “cực hiềm”, khó dò (“Ngoài chung mọi chốn đều thông hết / Bui một lòng người cực hiềm thay”): tuy nạn binh đao đã dứt, mà mỗi lần ông hồi tưởng hay thấy lại cảnh xưa, vẫn giật mình thấy thân mình còn lạnh lặn, thế nhưng chốn quan trường còn đáng khiếp hãi hơn nữa, khiến ông phải than: “Hoạn tình dị khiếp thương cung điệu” (trong chốn quan trường, lòng những khiếp sợ như con chim phải cung; “Mạn Hứng”). Theo đạo của người quân tử, ông về ở ẩn nơi Côn Sơn, tiêu sái qua ngày. Song, tuy nói là “rủ bụi trần”, nhưng một tâm hồn nhân ái vị dân vị nước như ông làm sao có thể ngòai nghĩ đến vua, cha, và những lí tưởng mà ông suốt đời theo đuổi:

Bui một tác lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông
(“Thuật Hứng”)

Còn có một lòng âu việc nước
Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung
(Bài 65)

Tác lòng đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông ấy, nỗi âu thức nhẩn nẻo sơ chung ấy là “khối tình còn kín” của *Đào Hoa Thi* mà tôi xin được mượn nguyên văn lời của Giáo sư Trần Ngọc Ninh để diễn bày và cũng để kết thúc bài viết đã hơi dài này:

“Mỗi bài thơ Việt Nam là một công án, hay là một cái án, có một cái kì oan ở trong. Nguyễn Du dấu nỗi ‘kì oan’ của mình trong thơ Kiều, nên nói ‘Rằng hay thì thực là hay, nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.’ Thơ Quốc Âm của Nguyễn Trãi có một bề ngoài thanh thản, nhưng phải nghe thấy những tiếng ‘đục như tiếng suối mới sa nửa vời’ thì mới thấy sự đắng cay của một bậc siêu nhân (*siêu* có nghĩa là ‘siêu thoát’). *Đào Hoa Thi* là một bài Nguyễn Trãi viết khi mới về Côn Sơn và còn hi vọng rằng sự nghiệp cách mạng của Đức Vua Lê Lợi sẽ còn được đơm thì và hoa lại luống liền. Trong *Đào Hoa Thi*, tôi thấy những biểu tượng. Mùa xuân hoa đào nở là nền độc lập tự do và những hứa hẹn về màu sắc, hương hoa và tình người. Nắng xuân (khí hồng quân, khí dương hòa) là ơn vua và lộc nước, không phải chỉ cho má đào mà cho tất cả các loài hoa, đầu

² Nguyên văn: “Tứ hải vĩnh thanh, dân bố duy tân chi cáo 四海永清誕布維新之誥.” Bản dịch nổi tiếng của Cụ Bùi Kỳ không hiểu vì lí do gì bỏ hẳn mất hai chữ “duy tân.” Cụ dịch là “Phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh thanh.” Không biết có phải vì Cụ muốn tránh sự kiểm duyệt của Pháp (vì có tên vua Duy Tân) chăng?

đâu cũng một khí dương hòa. Nhưng xuân chỉ có một thì, qua đi rồi thì e rằng má đào phai và lòng người cũng nguội lạnh [chú thích của TUT: sau mười năm binh lửa, ta đuổi được quân Minh về nước, khó khăn tưởng như đã qua, nhưng đánh giặc đã khó mà dựng nước lại càng khó hơn, nhất là khi lòng người đã mệt mỏi], trừ phi rằng ‘lại đơm thì (để cho) liền luống hoa’ thì yến tiệc bàn đào ở Dao Trì như đã hẹn (tức là hoài bão DUY TÂN trong *Bình Ngô Đại Cáo*) sẽ có như toàn dân mong ước, chỉ e rằng có những Đông Phương Sóc sẽ đến ăn cắp những quả của mùa xuân; chúng đã ba lần tỏ rõ ý định cướp công rồi, và ta phải đề phòng.” (Trần Ngọc Ninh)

Virginia, đầu Xuân Tân Mão 2011
TUT

嗣德戊辰紀

柳齋集

福澤原本

223 其三

丈夫節勁恪得台

養愈至固意為

徐課化螭強邏女

三春蟬強初台

224 梅詩 三首用首
尾連環格

春且希花極卒鮮

於眉為節瀝欣得

閣東乙也曾少容

呵仍通仙結伴制

225 其二

仙通結也閉秋迟

吟吼荒朋覓重台

吏固幾梗外意亂

俸踈知澍動得為

226 其三

俸踈知澍動得為

寮逐香幾月哈

况吏榜春初占特

瓣三友極朋眉

227 桃花詩 六首用首
尾連環格

幾朵桃花零卒鮮

隔春嫩七体春嘒

東風乙固情哈女

建羨味香易動得

228 其二

動得花空亦精神

也摆為花也摆春

吧使鳩撐停祝壽

連持也固氣洪鈞

229 其三 前本主
東君氣

氣洪鈞矣舍才戈

渚負春尼渚負花

花固意報春固意

堯七共幾氣陽和

230 其四

氣陽和可固秘埃

能幾花尼忍每類

笑計參群吧腦女

及春馬底鵬桃泳

231 其五

鵬桃泳歇摆春戈

象吏花扣連隴花

宴所瑤池它固限

渚朱方朝旦鄰羅

232 其六

方朝鄰羅它許機

吧番濫特呵情期

固埃厭晦仙玉母

信可信報疑可疑

233 牡丹花

幾身和卒吏郎

富貴謳控劍海棠